

Học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes: Một số nội dung, giá trị và hạn chế cơ bản

Doctrine of the two states in Thomas Hobbes's political thought: Major contents, values, and limitations

TS. TRẦN THỊ TUỔI

Trường Đại học Sài Gòn; Email: ttuoi@sgu.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/4/2026

Ngày phản biện: 22/4/2026

Ngày duyệt đăng: 20/6/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: Thomas Hobbes (1588 -1679) là đại biểu tiêu biểu của chủ nghĩa duy vật Anh thế kỷ XVII, có đóng góp quan trọng trong việc hệ thống hóa tư tưởng duy vật của F. Bacon và vận dụng chủ nghĩa duy vật máy móc vào lĩnh vực chính trị - xã hội. Tác phẩm “Leviathan” (1651) thể hiện rõ tư tưởng chính trị của ông, đặc biệt là học thuyết về hai trạng thái: trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội. Xuất phát từ bối cảnh nội chiến gây nhiều đau thương, Hobbes cho rằng con người cần chuyển từ trạng thái tự nhiên sang xã hội dân sự thông qua việc thỏa thuận trao quyền lực cho một đẳng tối thượng nhằm duy trì hòa bình, ổn định và an ninh xã hội. Bài viết chỉ ra một số nội dung, những giá trị và hạn chế ở học thuyết này trong tư tưởng chính trị của T.Hobbes đối với lịch sử tư tưởng triết học chính trị nhân loại.

Từ khóa: Thomas Hobbes; học thuyết hai trạng thái; tư tưởng chính trị.

Abstract: Thomas Hobbes (1588 -1679) was a leading representative of seventeenth-century English materialism who made significant contributions to systematizing the materialist thought of F. Bacon and applying mechanistic materialism to the political and social sphere. His work *Leviathan* (1651) clearly reflects his political thought, particularly his doctrine of the two states: the state of nature and civil society. Against the backdrop of the devastating civil wars, Hobbes argued that humanity must move from the state of nature to civil society by consenting to transfer power to a sovereign authority in order to maintain peace, stability, and social security. The article examines the major contents, values, and limitations of this doctrine within Hobbes's political thought and its significance in the history of political philosophy.

Keywords: Thomas Hobbes; doctrine of the two states; political thought.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây cận đại, Thomas Hobbes là một trong những nhà triết học có ảnh hưởng sâu sắc, đặc biệt ở việc lý giải nguồn gốc, bản chất và vai trò của Nhà nước. Tư tưởng chính trị của ông ra đời trong bối cảnh nước Anh thế kỷ XVII đầy biến động, nhất là tình trạng nội chiến, xung đột quyền lực và bất ổn xã hội kéo dài. Chính hoàn cảnh lịch sử ấy đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tìm kiếm một mô hình quyền lực đủ mạnh để bảo đảm hòa bình, trật tự và an ninh cho con người. Từ thực tiễn đó, Hobbes xây dựng học thuyết hai trạng thái, gồm trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội, nhằm lý giải quá trình con người thoát khỏi tình trạng

hỗn loạn, bất an để đi đến một xã hội có nhà nước thông qua khế ước xã hội. Việc nghiên cứu học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Về lý luận, học thuyết này góp phần làm rõ cách Hobbes quan niệm về bản tính con người, quyền tự nhiên, luật tự nhiên, khế ước xã hội và sự hình thành quyền lực nhà nước. Qua đó, có thể thấy được những đóng góp của Hobbes trong việc chuyển hướng tư duy chính trị từ cách giải thích mang màu sắc thần học sang cách lý giải dựa trên con người, lý trí và nhu cầu xã hội. Về thực tiễn, học thuyết hai trạng thái gợi mở nhiều vấn đề vẫn còn giá trị trong đời sống chính trị hiện nay, như vai trò của nhà nước

trong duy trì trật tự, bảo đảm an ninh, điều hòa lợi ích cá nhân và cộng đồng. Tuy nhiên, học thuyết này cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, nhất là khuynh hướng tuyệt đối hóa quyền lực nhà nước, đề cao quyền lực chủ quyền tập trung và nhìn nhận bản tính con người có phần phiến diện. Vì vậy, bài viết hướng đến mục đích phân tích một số nội dung cơ bản của học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes; làm rõ những giá trị lý luận, thực tiễn của học thuyết; đồng thời chỉ ra những hạn chế cơ bản của nó trong bối cảnh lịch sử cụ thể và trong tiến trình phát triển của tư tưởng chính trị nhân loại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes từ góc độ triết học chính trị, đặt học thuyết này trong bối cảnh lịch sử - xã hội nước Anh thế kỷ XVII, đặc biệt là tình trạng nội chiến, xung đột quyền lực và nhu cầu thiết lập trật tự xã hội. Trên cơ sở đó, bài viết vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để phân tích sự chuyển biến từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội, làm rõ mối quan hệ giữa bản tính con người, quyền tự nhiên, luật tự nhiên, khế ước xã hội và quyền lực nhà nước. Ngoài ra, bài viết sử dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, lịch sử - logic, so sánh và đánh giá để chỉ ra những nội dung cơ bản, giá trị lý luận, thực tiễn cũng như những hạn chế chủ yếu của học thuyết này.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nội dung học thuyết hai trạng thái của Thomas Hobbes

Thứ nhất, trạng thái tự nhiên

T.Hobbes xây dựng học thuyết hai trạng thái trên cơ sở những trải nghiệm chính trị của ông tại Anh, đồng thời khảo sát các mô hình nhà nước và quyền lực ở các thời đại trước, từ cổ đại đến trung cổ. Cơ sở chính trị - xã hội trực tiếp của thuyết này là hiện thực nước Anh thời cách mạng và nội chiến, tình trạng huynh đệ tương tàn giữa những người trong cùng quốc gia, kéo dài hàng chục năm. Tình trạng hỗn loạn, phi nhân tính đó thật khó chấp nhận, chỉ có thể liên tưởng đến tình trạng hoang dã, ngoài xã hội, phi đạo đức và luật pháp, tức trạng thái tự nhiên của loài người (Naturall Condition of Mankind) (Thomas Hobbes, 2019, tr.42). Đây là trạng thái không bao

gồm thiết chế nhà nước và có thể xem đây (tức là trạng thái tự nhiên) như một sự trừu tượng hóa duy lý, biểu thị cho bản tính tự nhiên của con người ở dạng thuần khiết, hoang dã. Ở trạng thái này, con người bị chi phối bởi quyền tự nhiên, hay nói khác đi là quyền tự nhiên luôn gắn liền với trạng thái tự nhiên. Đó là trạng thái mà: “Tất cả mọi người trong trạng thái tự nhiên đều có những ham muốn, và chính ham muốn ấy mà họ sẽ làm tổn thương bất kỳ người nào đó một cách vô cớ để giành lại thứ mình muốn, mặc dù theo lẽ tự nhiên giữa người với người bình đẳng, có quyền như nhau, nên mỗi người họ tự cho mình quyền ủng hộ hoặc bất đồng với người khác. Người có sức mạnh sẽ tự cho mình có quyền thực hiện những gì họ muốn và sẵn sàng lấy bất cứ thứ nào từ người khác dù điều đó có làm tổn thương đến người khác” (Thomas Hobbes, 1651, tr.46).

Trong trạng thái tự nhiên ấy, quyền bình đẳng của con người chỉ là hình thức, thể hiện tình trạng không có đạo đức, con người có thể làm bất cứ điều gì nếu họ thích bằng bản năng sức mạnh của mình, không có chỗ cho yêu thương, trật tự xã hội tồn tại. Một trạng thái mà người ta sống hoàn toàn theo bản năng, ở họ tồn tại quyền tấn công khi đủ mạnh và phòng thủ khi bị tấn công. Vậy, nếu có luật tồn tại ở đây thì đó là luật của kẻ mạnh chăng? Tác giả Alan Ebenstein cho rằng: trạng thái tự nhiên đề cập ở đây chính là trạng thái không có luật pháp, đạo đức và sự an ủi tinh thần (Friedrich Hayek, 2007, tr.441). Như vậy, cách tốt nhất có thể giải quyết tình trạng hỗn loạn này là thay thế trạng thái tự nhiên bằng một trạng thái khác.

Thứ hai, trạng thái xã hội

Trong trạng thái hỗn loạn, chiến tranh, “người với người là chó sói”, nhu cầu về sinh tồn đã buộc con người tính đến khả năng về một “khế ước và sự đồng thuận mà nhờ đó các bộ phận của cơ thể chính trị lần đầu tiên được tạo ra, liên kết lại” (Thomas Hobbes, 2019, p.3). Chỉ có như vậy những khả năng thiên phú của con người mới trở nên hữu ích, có ý nghĩa vượt qua trạng thái tự nhiên, trạng thái đối lập với giá trị tinh túy nhất trong mỗi con người. Cần vượt qua trạng thái đó, không chỉ bằng lý tính, mà cả khát vọng, sự thôi thúc của con tim. Xem xét nội chiến như cái phi nhân tính và sự vô lý khủng khiếp mà con người có thể tưởng tượng được như: sự thù địch và xung đột

huynh đệ tương tàn chỉ vì những cuồng vọng không kiểm soát, từ đó, T.Hobbes nhấn mạnh sự cần thiết liên kết con người với nhau để chuyển sang trạng thái mới, khi sự thể chế hóa các khả năng và bản chất con người diễn ra trên cơ sở đồng thuận tự nguyện của tất cả mọi người. Nhu cầu tương chừng đơn giản nhất lại trở thành cái thiêng liêng, nghiêm túc, thúc đẩy con người “luật hóa” một cách tất yếu những gì liên quan đến sự tồn tại và phát triển của chính bản thân con người. T.Hobbes viết: “Những ham muốn (xúc cảm) (Passions) (bỏ vì sau này dịch bị dư thừa), cái làm cho con người hướng đến hòa bình, là nỗi lo sợ cái chết, ước muốn có được những gì cần thiết cho cuộc sống tốt đẹp, và hy vọng đạt được chúng bằng sự cần cù. Lý trí thì gợi mở những nỗ lực phù hợp cho hòa bình, trên cơ sở ấy con người có thể đi đến một thỏa thuận. Những đề xuất ấy là cái mà người ta gọi khác đi, là các luật tự nhiên (Lawes of Nature) (Thomas Hobbes, 2019, p. 44).

Đáp ứng yêu cầu của xã hội đặt ra, để con người có thể yên tâm hơn, không phải sống trong lo sợ triền miên, họ đã chấp nhận hy sinh một phần quyền tự nhiên của mình để cùng nhau thỏa thuận, giao ước quyền ấy cho một người - đại diện của một tổ chức có thể đảm bảo cho họ sự an toàn, ổn định trong xã hội và trạng thái xã hội đã ra đời như một phương thức mới để giúp cho con người không còn cảm thấy bất an. “Trên cơ sở này mà họ xây dựng Học thuyết của xã hội công dân, nhằm duy trì hòa bình, và chính phủ của loài người là điều cần thiết, vì vậy thì Con người sẽ đồng ý lập nên Khế ước và cùng nhau tuân theo, mà sau này họ gọi đó là Luật (Thomas Hobbes, 1651, tr.42). Ông coi “chính quyền dân sự là phương thức thích đáng cho những bất tiện của trạng thái tự nhiên” (J.Locke, 2007, tr.33-35). Quá trình chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội chỉ có thể đạt được từ sự thỏa thuận chung của tất cả các thành viên cộng đồng, gia nhập vào quan hệ khế ước với nhau. T.Hobbes viết: “Sự chuyển quyền lẫn nhau là cái mà người ta gọi là Khế ước (Contract)” (Thomas Hobbes, 2019, tr.46). Trên cơ sở Khế ước, thể hiện bước chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội, T.Hobbes nêu ra 19 luật tự nhiên với tư cách là những luật “bất biến và vĩnh cửu” (Thomas Hobbes, 2019, tr.55), Ở trạng thái xã hội, “khế ước” thể hiện

sự đại diện của một bên là nhà nước và một bên là những công dân trong xã hội. Nhà nước ra đời như một cơ thể mang tính nhân tạo dựa trên sự thỏa thuận giữa người với người bằng sự tin cậy nhau và chuyển quyền lẫn nhau (tức là con người chấp nhận hy sinh quyền tự do mang tính hình thức để giao cho một đại diện - nhà nước mà họ tin tưởng có thể bảo vệ và đảm bảo cho họ được hoà bình, không còn lo sợ, bất ổn). Sự ra đời của nhà nước cho thấy sự sáng tạo và là thành quả vĩ đại nhất của con người trong tiến trình lịch sử. Để làm rõ hơn về sứ mệnh của nhà nước, T.Hobbes đã phác họa hình ảnh thủy quái “Leviathan” - Nhà nước đại diện cho quyền lực tối cao với hệ thống luật pháp cho các công dân trong xã hội phục tùng. Vậy hệ thống luật mà nhà nước đưa ra ở đây gồm những luật nào? Đó là luật tự nhiên, luật đạo đức và nhiều luật khác.

Trong các luật ấy, T.Hobbes bàn nhiều đến luật tự nhiên. Luật tự nhiên mang tính khách quan, công bằng và hàm chứa cả các yếu tố đạo đức, nó là những định hướng chung để giúp mọi người có được hoà bình, sự ổn định, hài hoà và chấp hành chung trong xã hội. Quyền lực tối cao vô hạn ấy nằm trong tay Đấng chúa tể, khiến người ta sợ hãi và tuân phục, hướng hành vi của mình đến lợi ích chung, T.Hobbes gọi quyền lực tối cao như thế là “quyền lực chung”, vì nó thể hiện lợi ích của tất cả mọi người. T.Hobbes, cho rằng “sẽ không có gì đáng ngạc nhiên, nếu để làm cho thỏa thuận được thường xuyên và lâu dài, đòi hỏi thêm một thứ gì đó (ngoài thỏa thuận), mà chính là quyền lực chung (Common Power) khiến người ta sợ hãi và hướng hành động của họ đến lợi ích chung (Common Benefit). Quyền lực chung ấy, cái quyền lực có khả năng bảo vệ con người khỏi sự xâm lược của kẻ bên ngoài và khỏi tính bất công, và như thế đem đến cho con người sự an ninh, nhờ đó con người có thể tự nuôi sống bằng lao động... và sống trong sự hài lòng; quyền lực chung ấy chỉ có thể hình thành bằng một con đường, mà chính là con đường tập trung toàn bộ quyền lực và sức mạnh vào một người và tập thể người, với biểu số đông có thể quy tụ ý chí của các công dân về ý chí duy nhất” (Thomas Hobbes, 2019, tr.60). Phương án mà T.Hobbes chọn là vị Chúa tể - nhà chuyên chế, được đặc trưng bằng hình ảnh “Leviathan”, lấy cảm hứng từ con thủy quái

có quyền lực vô song, được nêu ra trong Kinh Thánh Kitô giáo.

Như vậy, chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội đòi hỏi một khế ước, hay thỏa ước giữa người với người trên cơ sở thừa nhận một quyền lực tối cao hùng mạnh, với biểu tượng thanh gươm công lý và sức mạnh của vương trượng để duy trì hòa bình và đảm bảo an ninh cho mỗi cá nhân. Luật chung nhất - luật của Thượng đế, tức là luật do Thượng đế lập ra để giúp nhân loại có được trật tự, ổn định và hoà bình. Dù rằng, luật tự nhiên không cần đến những văn bản hay thủ tục mang tính hành chính nhưng vẫn được con người ta tuân theo vì với học đó là “luật thiêng liêng”.

Luật tự nhiên, luật đạo đức, luật công dân có mối quan hệ với nhau, là cơ sở tiền đề cho nhau và có những lúc T.Hobbes coi ba luật ấy như nhau. Ngoài ra, trong “Leviathan” T.Hobbes còn đưa ra thêm nhiều luật khác khi bàn về trạng thái xã hội như: “tuân thủ thỏa thuận là quy tắc của lý trí, cấm đoán chúng ta làm điều gì phương hại đến cuộc sống”; “mỗi người cần phải thừa nhận những người khác ngang bằng với mình về bản tính”; “Trong trường hợp tranh luận các bên cần giao phó quyền của mình cho trọng tài” (Thomas Hobbes, 1839, tr.130). Cùng là những đại diện tiêu biểu của triết học Anh và dành nhiều quan tâm tới lĩnh vực chính trị, nhưng giữa F.Bacon (1561 - 1626), T.Hobbes và J.Locke (1632 - 1704) có sự khác nhau trong nghiên cứu triết học chính trị.

3.2. So sánh hai trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes

Trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes, trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội, là hai trạng thái đối lập nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau, phản ánh quá trình con người chuyển từ đời sống bản năng, bất ổn sang đời sống chính trị có tổ chức. Có thể so sánh hai trạng thái này trên ba điểm cơ bản.

(i) Xét về điều kiện tồn tại của con người, trạng thái tự nhiên là trạng thái chưa có nhà nước, chưa có pháp luật và chưa có một quyền lực chung đủ mạnh để điều chỉnh hành vi của mọi cá nhân. Trong trạng thái ấy, con người sống chủ yếu theo bản năng sinh tồn, bị chi phối bởi ham muốn, lợi ích cá nhân, sự nghi ngờ và nỗi sợ hãi. Do mọi người đều có quyền tự nhiên ngang nhau trong việc bảo vệ bản thân và

tìm kiếm những gì mình cần, nên quan hệ giữa người với người dễ rơi vào xung đột, tranh giành và đối đầu. Ngược lại, trạng thái xã hội là trạng thái con người đã thiết lập được đời sống cộng đồng có tổ chức, có nhà nước, có luật pháp và có quyền lực chung nhằm duy trì trật tự, hòa bình và an ninh.

(ii) Xét về quan hệ giữa quyền tự nhiên và luật pháp, trong trạng thái tự nhiên, quyền tự nhiên của con người gần như không bị giới hạn bởi một trật tự pháp lý chung. Mỗi cá nhân đều có thể tự quyết định điều gì có lợi cho mình và sử dụng sức mạnh để đạt được mục đích. Vì không có cơ quan quyền lực chung phân xử đúng sai, nên tự do tự nhiên dễ biến thành sự tùy tiện và làm nảy sinh tình trạng “chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”. Trong trạng thái xã hội, con người nhận thức được sự nguy hiểm của tự do tuyệt đối nên tự nguyện thỏa thuận, chuyển giao một phần quyền tự nhiên của mình cho một quyền lực chung thông qua khế ước xã hội. Từ đây, quyền tự nhiên được điều chỉnh bởi luật pháp; tự do cá nhân không còn tồn tại một cách bản năng mà phải đặt trong khuôn khổ nghĩa vụ công dân và lợi ích chung của cộng đồng.

(iii) Xét về mục đích và giá trị chính trị, trạng thái tự nhiên thể hiện tình trạng bất an, hỗn loạn, nơi con người luôn lo sợ bị xâm hại và không có điều kiện ổn định để phát triển. Trái lại, trạng thái xã hội hướng đến việc bảo đảm hòa bình, an ninh và sự tồn tại lâu dài của cộng đồng chính trị. Đối với Hobbes, nhà nước ra đời không phải do ý chí thần linh, mà xuất phát từ nhu cầu sống còn của con người: cần có một quyền lực tối cao đủ mạnh để buộc mọi người tuân thủ khế ước, ngăn chặn xung đột và bảo vệ trật tự chung. Như vậy, sự khác biệt giữa hai trạng thái không chỉ nằm ở việc có hay không có nhà nước, mà còn thể hiện bước chuyển căn bản từ đời sống tự nhiên sang đời sống chính trị, từ quyền lực cá nhân phân tán sang quyền lực chung tập trung, từ bất ổn sang trật tự, hòa bình.

3.3. Giá trị và hạn chế của học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị Thomas Hobbes

Về giá trị học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes

Những đóng góp của T.Hobbes đối với lịch sử tư tưởng nhân loại nói chung và tư tưởng chính trị nói

riêng thể hiện ở chỗ, ông coi nhà nước là do con người lập ra để phục vụ con người, mang lại sự ổn định và hoà bình trong xã hội, góp phần mở ra khả năng giải phóng tư tưởng về nhà nước khỏi thần học và thuyết định mệnh, thể chế hoá vấn đề nhà nước với tính cách là bản chất tự chủ và tự điều chỉnh. Việc khẳng định cần xoá bỏ trạng thái tự nhiên để thiết lập trạng thái xã hội là thể hiện xu hướng tư sản tiến bộ đòi đấu tranh xoá bỏ thần quyền, đặc quyền, khuyến khích tinh thần thượng tôn pháp luật, đề cao sự thống nhất về chủ quyền quốc gia và mở rộng dân chủ ra đời sống xã hội. Đó cũng chính là những cơ sở quan trọng để các nhà triết học về sau tiếp tục nghiên cứu và phát triển.

Việc đối lập hai trạng thái ở tư tưởng chính trị của T.Hobbes mang thông điệp về sự cần thiết vượt qua tình trạng “chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”, hướng đến không gian xã hội ổn định, hoà bình, yên vui vì con người và cho con người. Suy nghĩ này trong bối cảnh thế giới hiện nay vẫn còn nguyên tính thời sự. “Không phải Hobbes tự nghĩ ra và đối lập “trạng thái tự nhiên” và “trạng thái xã hội”, mà lấy ý tưởng từ thực tiễn xã hội. Trong trường hợp này, nội chiến chỉ là yếu tố giả định để Hobbes nói đến công việc của con người, ý thức sinh tồn, phát triển và tính quy định lịch sử - xã hội đối với công việc ấy. Xã hội công dân, theo Hobbes, là đỉnh cao của tiến bộ xã hội, nơi đạo đức và pháp luật thống nhất với nhau” (Thạch & Chính, 2018, tr.653).

Học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes có nhiều giá trị quan trọng đối với lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây. Học thuyết này góp phần lý giải nguồn gốc nhà nước từ chính nhu cầu của con người, thay vì quy hoàn toàn về ý chí thần linh hay quyền lực siêu nhiên. Theo Hobbes, con người trong trạng thái tự nhiên luôn sống trong bất an, xung đột và sợ hãi, vì vậy họ cần thỏa thuận với nhau để thiết lập một quyền lực chung nhằm bảo vệ sự sống và duy trì trật tự. Ví dụ, trong bối cảnh nội chiến nước Anh thế kỷ XVII, Hobbes cho rằng một nhà nước mạnh là cần thiết để chấm dứt tình trạng chia rẽ, bạo lực và hỗn loạn xã hội.

Học thuyết hai trạng thái đề cao vai trò của pháp luật và quyền lực nhà nước trong việc bảo đảm hòa bình, an ninh và ổn định xã hội. Nếu trạng thái tự nhiên

là nơi quyền tự nhiên của mỗi cá nhân có thể dẫn đến sự đối đầu, thì trạng thái xã hội là nơi quyền ấy được điều chỉnh bằng luật pháp và nghĩa vụ công dân. Ví dụ, trong xã hội hiện đại, mỗi cá nhân không thể tự ý dùng sức mạnh để bảo vệ lợi ích của mình, mà phải tuân theo pháp luật và cơ quan xét xử chung. Đồng thời, học thuyết này đặt nền tảng cho sự phát triển của tư tưởng khế ước xã hội và mối quan hệ giữa cá nhân với nhà nước. Việc con người chấp nhận chuyển giao một phần quyền tự nhiên cho nhà nước cho thấy quyền lực chính trị phải gắn với sự đồng thuận xã hội. Ví dụ, người dân tuân thủ pháp luật, đóng thuế và thực hiện nghĩa vụ công dân để đổi lấy sự bảo vệ về an ninh, trật tự và các điều kiện sống ổn định.

Về hạn chế học thuyết hai trạng thái trong tư tưởng chính trị của Thomas Hobbes

Thứ nhất, Hobbes có cách nhìn còn phiến diện về bản chất con người trong trạng thái tự nhiên. Ông cho rằng con người trong trạng thái tự nhiên chủ yếu bị chi phối bởi bản năng sinh tồn, ham muốn cá nhân, sự ích kỷ, nghi ngờ và sợ hãi. Từ đó, ông đi đến nhận định nổi tiếng rằng trạng thái tự nhiên là trạng thái “chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”, nơi “con người với con người là chó sói”. Cách nhìn này có ý nghĩa trong việc phản ánh tình trạng hỗn loạn, bạo lực của nước Anh thời nội chiến, nhưng nếu tuyệt đối hóa nó thì sẽ làm nghèo nàn cách hiểu về con người. Con người không chỉ có bản năng tranh giành và bảo vệ lợi ích cá nhân, mà còn có khả năng hợp tác, chia sẻ, sáng tạo, yêu thương và sống vì cộng đồng. Việc quá nhấn mạnh mặt xung đột trong bản tính con người khiến Hobbes dễ đi đến kết luận rằng chỉ có một quyền lực mạnh, thậm chí mang tính cưỡng chế cao, mới có thể kiểm soát xã hội. Đây là cơ sở để ông xây dựng quan niệm về “công nghệ quyền lực”, đề cao vai trò áp chế của nhà nước hơn là khả năng tự điều chỉnh và phát triển tích cực của con người trong đời sống xã hội.

Thứ hai, học thuyết hai trạng thái của Hobbes còn hạn chế ở cách giải thích nguồn gốc nhà nước từ quan điểm khế ước xã hội. Theo Hobbes, nhà nước ra đời do các cá nhân tự nguyện thỏa thuận với nhau để chuyển giao một phần quyền tự nhiên cho một quyền lực chung nhằm bảo đảm hòa bình, trật tự và an ninh. Cách giải thích này có điểm tiến bộ là không quy

nguồn gốc nhà nước cho ý chí của Thượng đế, mà đặt cơ sở ra đời của nhà nước vào nhu cầu của con người. Tuy nhiên, xét từ quan điểm duy vật lịch sử, cách tiếp cận ấy vẫn mang tính duy tâm vì chưa chỉ ra được những nguyên nhân kinh tế - xã hội sâu xa dẫn đến sự hình thành nhà nước. Hobbes chưa thấy đầy đủ vai trò của sự phát triển lực lượng sản xuất, sự xuất hiện chế độ tư hữu, sự phân hóa giai cấp và những mâu thuẫn xã hội trong quá trình ra đời của nhà nước. Vì vậy, nhà nước trong học thuyết của ông được lý giải chủ yếu như kết quả của lý trí, ý chí và sự thỏa thuận giữa các cá nhân, chứ chưa được xem như sản phẩm khách quan của một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định.

Thứ ba, Hobbes có xu hướng tuyệt đối hóa quyền lực nhà nước và đề cao mô hình quyền lực tập trung. Xuất phát từ nỗi ám ảnh về nội chiến, bất ổn và xung đột xã hội, ông cho rằng cần phải có một quyền lực tối cao đủ mạnh để buộc mọi cá nhân tuân thủ khế ước và giữ gìn trật tự chung. Hình ảnh nhà nước Leviathan trong tư tưởng Hobbes biểu hiện cho một quyền lực gần như vô hạn, có khả năng chi phối và kiểm soát đời sống chính trị - xã hội. Hạn chế của quan niệm này là Hobbes quá đề cao hòa bình và ổn định như tiêu chí trung tâm, trong khi chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề kiểm soát quyền lực, phân quyền, dân chủ và bảo vệ quyền tự do cá nhân. Một nhà nước mạnh có thể bảo đảm trật tự, nhưng nếu thiếu cơ chế giới hạn và giám sát quyền lực thì dễ dẫn đến chuyên chế, lạm quyền và kìm hãm sự phát triển của xã hội. Do đó, tư tưởng chính trị của Hobbes tuy có ý nghĩa trong việc khẳng định vai trò của nhà nước, pháp luật và trật tự xã hội, nhưng vẫn mang tính chủ quan, bảo thủ khi đặt niềm tin quá lớn vào quyền lực tập trung mà chưa thấy đầy đủ xu thế phát triển của dân chủ, nhà nước pháp quyền và quyền con người trong đời sống chính trị hiện đại.

Tuy vậy, khi đánh giá những hạn chế trên, cần đặt học thuyết hai trạng thái của Hobbes trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước Anh thế kỷ XVII. Chính bối cảnh nội chiến, rối ren và khủng hoảng quyền lực đã ảnh hưởng sâu sắc đến cách ông lý giải con người, nhà nước và quyền lực chính trị. Vì vậy, việc chỉ ra hạn chế không nhằm phủ nhận giá trị của Hobbes, mà để nhận thức đầy đủ hơn vị trí, ý nghĩa và giới hạn lịch sử của học thuyết này trong tiến trình phát triển

tư tưởng chính trị nhân loại.

4. Kết luận

Bằng việc phân tích quá trình thay thế nhau của hai trạng thái: trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội thông qua Khế ước, T.Hobbes đã cho chúng ta thấy được những nội dung cơ bản trong tư tưởng về triết học chính trị của ông với những đóng góp cho triết học chính trị nước Anh và tư tưởng triết học chính trị thời cận đại. Những tư tưởng ấy vừa thể hiện tài năng của T.Hobbes trong việc chỉ ra và phân tích những vấn đề đặc sắc trong lĩnh vực chính trị lúc bấy giờ trong xã hội nước Anh, nói lên khát vọng về một cuộc sống hoà bình, tự do, bình đẳng của người dân trong xã hội, mong ước có một chính quyền có thể giúp con người có thể thực hiện những khát vọng ấy. Đồng thời những đóng góp trong tư tưởng chính trị của ông là tiền đề, sự gợi mở để những nhà tư tưởng kế tục ông như J.Locke, J.J.Rousseau,... tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ và hoàn thiện hơn. Hàng loạt những vấn đề được nêu ra trong thuyết khế ước xã hội, đặc biệt là sự phân biệt hai trạng thái, quá trình chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội, tư tưởng về hòa bình, an ninh, như điều kiện cho sự phát triển xã hội cho đến nay vẫn còn mang tính thời sự./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan Ebenstein. (2007). Friedrich Hayek cuộc đời và sự nghiệp. Nxb Tri thức.
2. Đinh Ngọc Thạch. (2019). Triết học chính trị phương Tây hiện đại - giá trị và ý nghĩa. Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
3. Đinh Ngọc Thạch, & Doãn Chính (đồng chủ biên). (2018). Lịch sử triết học phương Tây (Tập 1). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hobbes, T. (1651). De Cive (Vol. III). Oxford University Press.
5. Hobbes, T. (1839). The English Works of Thomas Hobbes of Malmesbury: Vol. III. Leviathan. John Bohn.
6. Hobbes, T. (2019). Leviathan. Anodos Books.
7. J. Locke. (2007). Khảo luận thứ hai về chính quyền dân sự. Nxb Tri thức, Hà Nội.
8. Mác, C., & Ăngghen, P. (1993). Toàn tập (Tập 7). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Mác, C., & Ăngghen, P. (1995). Toàn tập (Tập 3). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Mác, C., & Ăngghen, P. (2004). Toàn tập (Tập 2). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.